TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2024/DS-ST

Ngày: 03/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quản.

Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lường Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 354/2024/QĐST-DS ngày 05/4/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Viết tắt là: Ngân hàng).

Trụ sở: Lầu A đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Aiễm, là đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);

- Ông Lã Ngọc MAh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2388/2023/UQ-TGĐ ngày 03/8/2023) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A Yến, sinh năm: 1973 – vắng mặt.

Địa chỉ: 62/AD, đường Thạnh Lộc 40, khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Tín, có ông Lã A là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019 (gọi tắt là hợp đồng), thể hiện bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.950.154 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 48.736.979 đồng, số tiền còn lại không thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/11/2021 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/5/2024 là: 97.132.609 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 44.950.154 đồng, lãi quá hạn là: 52.182.455 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Căn cứ theo Văn bản trả lời xác minh của Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận 12 nhưng đã bán nhà đi đâu không rõ từ tháng 4/2021. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 13/3/2024, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về yêu cầu của đương sự:

3.1. Về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019, thể hiện bị đơn được cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 40.000.000 đồng.

Nguyên đơn là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm việc thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

3.2. Về số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Hạn mức sử dụng thẻ là 40.000.000 đồng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.950.154 đồng và đã thanh toán được 48.736.979 đồng; nhưng sau đó không thanh toán tiếp dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Điều này phù hợp với bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê.

Ngày 23/11/2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 44.950.154 đồng sang nợ quá hạn.

Xét yêu cầu trả nợ gốc trên của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về số tiền lãi quá hạn: Lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên là 2,6%/tháng và lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% của lãi suất thỏa thuận là 3,9%/tháng. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 52.182.455 đồng, nên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi quá hạn của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Phượng Yến phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019, tổng cộng là: 97.132.609 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm lẻ chín) đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 44.950.154 (bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi tư) đồng và lãi quá hạn là: 52.182.455 (năm mươi hai triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 4.456.630 (bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng, bị đơn chịu.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là: 2.203.653 (hai triệu hai trăm lẻ ba nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số 0030653 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Ký